

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA PHƯỜNG ĐỨC PHỐ

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND thị xã giao năm 2025 cho các phường trước khi sắp xếp				
			Phường Phổ Hòa	Phường Phổ Vinh	Phường Phổ Minh	Phường Phổ Ninh	Phường Nguyễn Nghiêm
A	B	1=2+...+6	2	3	4	5	6
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	7.761	656	326	490	922	5.367
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	3.802	322	83	178	456	2.763
-	Thuế giá trị gia tăng	3.685	320	70	175	440	2.680
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	99	-	6	3	10	80
-	Thuế Tài nguyên	18	2	7	-	6	3
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	657	30	9	41	47	530
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.169	164	77	87	231	1.610
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	513	50	67	54	78	264
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-	-	-
10	Thu tại xã	620	90	90	130	110	200
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	138.720	20.687	28.263	21.467	29.009	39.293
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	138.720	20.687	28.263	21.467	29.009	39.293
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	6.031	2.319	195	300	1.314	1.903
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	1.790	170	166	225	235	994
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	4.241	2.149	29	75	1.079	909
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	132.689	18.368	28.068	21.167	27.695	37.390
-	Bổ sung cân đối	17.567	1.755	4.792	4.009	3.720	3.291
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	8.563	1.494	1.899	1.614	1.768	1.788
-	Bổ sung có mục tiêu (*)	106.559	15.119	21.377	15.544	22.207	32.311
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: (*) Bao gồm số bổ sung từ ngân sách thị xã chuyển về phường mới là 99.722 triệu đồng

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP
CỦA XÃ KHÁNH CƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND thị xã Đức Phổ giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp	
			Xã Phổ Khánh	Xã Phổ Cường
A	B	1=2+3	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1.402	525	877
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	583	200	383
-	Thuế giá trị gia tăng	550	200	350
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	22	-	22
-	Thuế Tài nguyên	11	-	11
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	82	35	47
4	Thuế thu nhập cá nhân	329	103	226
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	208	97	111
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-
10	Thu tại xã	200	90	110
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	67.275	35.262	32.013
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	67.275	35.262	32.013
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	1.473	489	984
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	490	222	268
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	983	267	716
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	65.802	34.773	31.029
-	Bổ sung cân đối	11.194	6.369	4.825
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	4.269	2.165	2.104
-	Bổ sung có mục tiêu (*)	50.339	26.239	24.100
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-

Ghi chú: (*) Bao gồm số bổ sung từ ngân sách thị xã chuyển về xã mới là 48.210 triệu đồng

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP
CỦA PHƯỜNG SA HUỖNH**

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND thị xã Đức Phổ giao năm 2025 cho các xã, phường trước khi sắp xếp	
			Xã Phổ Châu	Phường Phổ Thạnh
A	B	1=2+3	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	2.701	974	1.727
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.404	560	844
-	Thuế giá trị gia tăng	1.230	480	750
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	101	65	36
-	Thuế Tài nguyên	73	15	58
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	88	47	41
4	Thuế thu nhập cá nhân	656	236	420
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	273	51	222
	<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>	-	-	-
10	Thu tại xã	280	80	200
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	83.813	23.657	60.156
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	83.813	23.657	60.156
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	2.094	1.267	827
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	641	178	463
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	1.453	1.089	364
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	81.719	22.390	59.329
-	Bổ sung cân đối	10.530	4.206	6.324
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	3.746	1.648	2.098
-	Bổ sung có mục tiêu (*)	67.443	16.536	50.907
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-

Ghi chú: (*) Bao gồm số bổ sung từ ngân sách thị xã chuyển về phường mới là 64.622 triệu đồng



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ BÌNH MINH

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT		Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Bình Sơn giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Bình Minh	Xã Bình Khương	Xã Bình An
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	869	234	115	520
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	374	78	40	256
-	Thuế giá trị gia tăng	374	78	40	256
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2	1	1	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	305	40	20	245
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	78	45	19	14
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	110	70	35	5
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	95.426	78.905	7.879	8.642
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	95.426	78.905	7.879	8.642
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	306	140	67	98
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	188	115	54	19
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	118	25	13	79
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	95.120	78.765	7.812	8.544
-	Bổ sung cân đối	14.122	4.848	4.419	4.855
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	5.161	1.923	1.692	1.546
-	Bổ sung có mục tiêu	75.837	71.994	1.701	2.141
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ BÌNH CHƯƠNG(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18/7/2025** của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Bình Sơn giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp	
			Xã Bình Chương	Xã Bình Mỹ
A	B	1=2+3	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	355	180	175
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	151	74	77
-	Thuế giá trị gia tăng	151	74	77
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3	1	2
4	Thuế thu nhập cá nhân	72	36	36
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	54	29	25
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	75	40	35
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	60.721	52.424	8.297
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	60.721	52.424	8.297
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	299	93	206
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	129	69	60
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	170	24	146
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	60.423	52.331	8.091
-	Bổ sung cân đối	8.955	4.463	4.492
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	3.243	1.690	1.553
-	Bổ sung có mục tiêu	48.224	46.178	2.046
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ BÌNH SƠN

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Bình Sơn giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp							
		Thị trấn Châu Ổ	Xã Bình Nguyên	Xã Bình Long	Xã Bình Trung	Xã Bình Dương	Xã Bình Chánh	Xã Bình Thạnh	
A	1=2+...+8	2	3	4	5	6	7	8	
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	12.779	5.620	540	710	700	269	3.080	1.860
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	7.747	3.500	280	415	380	117	1.920	1.135
-	Thuế giá trị gia tăng	7.387	3.300	280	415	380	112	1.920	980
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	338	200	-	-	-	3	-	135
-	Thuế Tài nguyên	22	-	-	-	-	2	-	20
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	69	30	5	10	3	1	10	10
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.791	1.700	138	205	182	56	970	540
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	747	320	57	50	65	40	100	115
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	425	70	60	30	70	55	80	60
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	287.769	228.827	10.035	8.108	9.024	8.742	11.493	11.541
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	287.769	228.827	10.035	8.108	9.024	8.742	11.493	11.541
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	5.671	1.505	2.209	219	256	133	785	565
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	1.172	390	117	80	135	95	180	175
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	4.499	1.115	2.092	139	121	38	605	390
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	282.098	227.322	7.826	7.889	8.768	8.609	10.708	10.976
-	Bổ sung cân đối	36.235	5.705	3.078	4.404	4.614	4.742	6.695	6.996
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	13.186	2.347	1.692	1.749	1.784	1.824	1.860	1.930
-	Bổ sung có mục tiêu	232.677	219.269	3.056	1.737	2.370	2.043	2.153	2.050
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ VẠN TƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Bình Sơn giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp					
			Xã Bình Phước	Xã Bình Trị	Xã Bình Đông	Xã Bình Thuận	Xã Bình Hải	Xã Bình Hòa
A	B	1=2+...+7	2	3	4	5	6	7
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	6.280	930	1.060	1.460	2.020	430	380
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	3.891	587	700	829	1.390	215	170
-	Thuế giá trị gia tăng	3.678	587	656	817	1.260	188	170
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	197	-	35	12	130	20	-
-	Thuế Tài nguyên	16	-	9	-	-	7	-
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-	-	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	36	3	5	1	2	10	15
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.685	260	240	460	540	95	90
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	398	40	55	110	68	70	55
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	270	40	60	60	20	40	50
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-	-	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	202.073	154.362	8.881	9.514	10.112	11.084	8.120
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	202.073	154.362	8.881	9.514	10.112	11.084	8.120
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	14.106	265	2.009	6.450	5.021	188	173
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	668	80	115	170	88	110	105
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	13.438	185	1.894	6.280	4.933	78	68
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	187.968	154.097	6.872	3.064	5.091	10.896	7.948
-	Bổ sung cân đối	21.888	4.376	3.606	496	1.663	7.218	4.529
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	9.717	1.663	1.687	1.429	1.398	1.880	1.660
-	Bổ sung có mục tiêu	156.362	148.058	1.579	1.139	2.030	1.798	1.758
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐÔNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				
			Xã Bình Hiệp	Xã Bình Tân Phú	Xã Bình Thanh	Xã Bình Châu	Xã Tịnh Hòa
A	B	1=2+...+6	2	3	4	5	6
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	2.299	450	230	160	950	509
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.209	218	85	50	570	286
-	Thuế giá trị gia tăng	945	190	85	50	460	160
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	264	28	-	-	110	126
2	Lệ phí trước bạ	65	-	-	-	-	65
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	35	10	5	5	10	5
4	Thuế thu nhập cá nhân	472	107	45	25	215	80
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	278	55	45	20	105	53
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	240	60	50	60	50	20
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	159.077	115.643	10.535	9.013	13.148	10.738
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	159.077	115.643	10.535	9.013	13.148	10.738
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	1.029	198	126	101	363	242
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	588	115	95	80	155	143
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	441	83	31	21	208	99
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	158.047	115.445	10.409	8.913	12.785	10.496
-	Bổ sung cân đối	32.708	4.535	6.911	5.743	7.640	7.879
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	7.709	1.749	1.890	1.818	2.025	226
-	Bổ sung có mục tiêu	117.631	109.161	1.608	1.352	3.120	2.390
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ TRƯỜNG GIANG

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Sơn Tịnh giao năm 2025 cho các xã sau trước khi sắp xếp		
			Xã Tịnh Giang	Xã Tịnh Đông	Xã Tịnh Minh
A	B	I=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1.427	658	481	288
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	439	219	140	80
-	Thuế giá trị gia tăng	434	214	140	80
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	5	5	-	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	85	40	25	20
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3	1	1	1
4	Thuế thu nhập cá nhân	505	240	175	90
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	125	58	40	27
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-
10	Thu tại xã	270	100	100	70
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	100.286	73.409	13.102	13.775
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	100.286	73.409	13.102	13.775
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	619	267	209	143
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	483	199	166	118
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	136	68	43	25
b	Bổ sung từ ngân cấp trên	99.667	73.142	12.892	13.632
-	Bổ sung cân đối	15.470	5.106	5.386	4.979
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	4.814	1.596	1.620	1.598
-	Bổ sung có mục tiêu (*)	79.383	66.440	5.887	7.055
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

Ghi chú: (*) Bao gồm số bổ sung trong năm là 16.679 triệu đồng và số bổ sung từ ngân sách huyện chuyển về xã mới là 61.471 triệu đồng

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ BA GIA

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT		Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Sơn Tịnh giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Tịnh Bắc	Xã Tịnh Hiệp	Xã Tịnh Trà
A	B	I=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	2.629	1.586	647	396
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.138	958	130	50
-	Thuế giá trị gia tăng	580	400	130	50
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	8	8	-	-
-	Thuế Tài nguyên	550	550	-	-
2	Lệ phí trước bạ	260	50	150	60
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	12	7	2	3
4	Thuế thu nhập cá nhân	723	370	225	128
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	156	71	50	35
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	50	50	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-
10	Thu tại xã	290	80	90	120
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	101.829	77.338	14.736	9.756
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	101.829	77.338	14.736	9.756
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	1.070	624	242	204
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	598	208	202	188
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	472	416	40	16
b	Bổ sung từ ngân cấp trên	100.759	76.713	14.494	9.552
-	Bổ sung cân đối	13.782	3.829	5.223	4.731
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	4.633	1.415	1.663	1.553
-	Bổ sung có mục tiêu (*)	82.344	71.469	7.608	3.268
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

Giải thích: (*) Bao gồm số bổ sung trong năm là 14.083 triệu đồng và số bổ sung từ ngân sách huyện chuyển về xã mới là 67.152 triệu đồng

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ SƠN TỊNH

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT		Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Sơn Tịnh giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Thị trấn Tịnh Hà	Xã Tịnh Bình	Xã Tịnh Sơn
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I=2+3+4</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	3.132	1.875	692	565
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.080	770	160	150
-	Thuế giá trị gia tăng	1.063	765	158	140
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	3	3	-	-
-	Thuế Tài nguyên	14	2	2	10
2	Lệ phí trước bạ	160	30	80	50
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20	10	5	5
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.281	780	280	221
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	261	125	77	59
	<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>	-	-	-	-
10	Thu tại xã	330	160	90	80
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	140.316	116.510	10.686	13.121
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	140.316	116.510	10.686	13.121
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	1.228	684	302	242
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	891	445	252	194
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	337	239	50	48
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	139.088	115.826	10.384	12.878
-	Bổ sung cân đối	17.899	7.281	5.250	5.367
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	5.418	2.227	1.549	1.643
-	Bổ sung có mục tiêu (*)	115.771	106.318	3.584	5.869
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

Ghi chú: (*) Bao gồm số bổ sung trong năm là 12.010 triệu đồng và số bổ sung từ ngân sách huyện chuyển về xã mới là 102.435 triệu đồng

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ THỌ PHONG(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT		Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Sơn Tịnh giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp	
			Xã Tịnh Thọ	Xã Tịnh Phong
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I=2+3</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	9.015	5.707	3.308
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	5.820	4.020	1.800
-	Thuế giá trị gia tăng	1.000	220	780
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	20	-	20
-	Thuế Tài nguyên	4.800	3.800	1.000
2	Lệ phí trước bạ	220	120	100
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	28	12	16
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.405	425	980
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	172	70	102
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	1.050	900	150
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-
10	Thu tại xã	320	160	160
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	91.279	14.104	77.175
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	91.279	14.104	77.175
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	3.771	2.600	1.171
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	740	362	378
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	3.031	2.238	793
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	87.508	11.503	76.004
-	Bổ sung cân đối	8.597	3.513	5.084
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	3.644	1.806	1.838
-	Bổ sung có mục tiêu (*)	75.267	6.184	69.082
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ TƯ NGHĨA

(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18/7/2025** của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Tư Nghĩa giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			
			Xã Nghĩa Hoà	Xã Nghĩa Thương	Thị trấn La Hà	Xã Nghĩa Trung
A	B	1=2+3+4+5	2	3	4	5
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	4.508	836	798	2.455	419
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.513	433	175	791	114
-	Thuế giá trị gia tăng	1.426	395	175	742	114
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	87	38	-	49	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	1.245	35	350	800	60
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	426	3	70	287	66
4	Thuế thu nhập cá nhân	789	212	92	428	57
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	280	88	46	89	57
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-	-
10	Thu tại xã	255	65	65	60	65
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	172.974	146.258	10.745	7.566	8.405
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	172.974	146.258	10.745	7.566	8.405
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	2.675	325	585	1.481	283
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	2.206	191	531	1.236	248
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	469	134	54	245	35
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	170.299	145.933	10.159	6.085	8.122
-	Bổ sung cân đối	28.563	6.792	8.648	5.520	7.602
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	-	-	-	-	-
-	Bổ sung có mục tiêu (*)	141.736	139.141	1.511	565	520
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-	-

Ghi chú: (*) Bao gồm số bổ sung từ ngân sách huyện chuyển về xã mới là 138 622 triệu đồng

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ VỆ GIANG(Kèm theo Quyết định số **08**/QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Tư Nghĩa giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Nghĩa Hiệp	Xã Nghĩa Phương	TT Sông Vệ
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1.869	267	356	1.246
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	772	100	70	602
-	Thuế giá trị gia tăng	739	100	70	569
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	33	-	-	33
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	125	20	31	74
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	193	2	90	101
4	Thuế thu nhập cá nhân	399	51	35	313
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	170	34	25	111
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-
10	Thu tại xã	210	60	105	45
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	107.121	8.314	7.947	9.335
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	107.121	8.314	7.947	9.335
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	937	147	273	518
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	698	116	251	331
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	239	31	22	187
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	106.184	89.692	7.674	8.817
-	Bổ sung cân đối	22.677	7.573	6.869	8.234
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	-	-	-	-
-	Bổ sung có mục tiêu (*)	83.507	82.119	805	583
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

Ghi chú: (*) Bao gồm số bổ sung từ ngân sách huyện chuyển về xã mới là 81.525 triệu đồng

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ NGHĨA GIANG

(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Tư Nghĩa giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Nghĩa Thuận	Xã Nghĩa Kỳ	Xã Nghĩa Điền
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	9.355	1.103	7.681	571
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	7.906	822	6.968	116
-	Thuế giá trị gia tăng	906	122	668	116
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	7.000	700	6.300	-
2	Lệ phí trước bạ	550	103	177	270
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	85	18	35	32
4	Thuế thu nhập cá nhân	467	67	337	63
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	172	38	94	40
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-
10	Thu tại xã	175	55	70	50
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	96.184	7.171	9.492	7.042
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)-(b)	96.184	79.650	9.492	7.042
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	4.763	602	3.733	428
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	982	214	376	392
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	3.781	388	3.357	36
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	91.421	79.048	5.759	6.614
-	Bổ sung cân đối	17.277	6.097	5.045	6.135
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	-	-	-	-
-	Bổ sung có mục tiêu (*)	74.144	72.951	714	479
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

Ghi chú: (*) Bao gồm số bổ sung từ ngân sách huyện chuyển về xã mới là 72.479 triệu đồng

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ TRÀ GIANG

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Tư Nghĩa giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Nghĩa Sơn	Xã Nghĩa Lâm	Xã Nghĩa Thắng
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1.736	-	422	1.314
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.259	-	203	1.056
-	Thuế giá trị gia tăng	259	-	83	176
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	1.000	-	120	880
2	Lệ phí trước bạ	69	-	12	57
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	96	-	92	4
4	Thuế thu nhập cá nhân	133	-	39	94
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	69	-	21	48
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-
10	Thu tại xã	110	-	55	55
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	74.214	57.166	7.484	9.564
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	74.214	57.166	7.484	9.564
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	924	-	266	659
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	344	-	180	164
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	580	-	86	495
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	73.290	57.166	7.218	8.906
-	Bổ sung cân đối	20.211	5.568	6.637	8.006
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	-	-	-	-
-	Bổ sung có mục tiêu (*)	53.079	51.598	581	900
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

Ghi chú: (*) Bao gồm số bổ sung từ ngân sách huyện chuyển về xã mới là 51.132 triệu đồng

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT		Dự toán giao năm 2025	Dự toán UBND huyện Nghĩa Hành giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Hành Trung	Xã Hành thuận	Thị trấn Chợ Chùa
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	3.746	338	913	2.495
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.445	70	300	1.075
-	Thuế giá trị gia tăng	1.400	70	300	1.030
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	45	-	-	45
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	290	35	55	200
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	223	35	45	143
4	Thuế thu nhập cá nhân	700	35	145	520
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	259	28	76	155
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	330	55	25	250
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-
10	Thu tại xã	499	80	267	152
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	136.060	45.180	45.375	45.505
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	136.060	45.180	45.375	45.505
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	2.049	255	561	1.233
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	1.601	233	468	900
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	448	22	93	333
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	134.011	44.925	44.814	44.272
-	Bổ sung cân đối	7.761	3.047	2.707	2.007
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	4.386	1.430	1.495	1.460
-	Bổ sung có mục tiêu	121.864	40.448	40.612	40.804
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐÌNH CƯƠNG(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18/7/2025** của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán giao năm 2025	Dự toán UBND huyện Nghĩa Hành giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Hành Thịnh	Xã Hành Phước	Xã Hành Đức
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1.750	367	670	713
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	460	40	220	200
-	Thuế giá trị gia tăng	460	40	220	200
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	120	10	40	70
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	147	3	4	140
4	Thuế thu nhập cá nhân	230	20	110	100
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	147	39	56	52
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	207	50	80	77
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-
10	Thu tại xã	439	205	160	74
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	88.197	28.998	30.099	29.100
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	88.197	28.998	30.099	29.100
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	1.203	319	408	475
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	1.060	307	340	413
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	143	12	68	62
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	86.995	28.679	29.691	28.625
-	Bổ sung cân đối	8.693	2.620	3.137	2.936
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	4.603	1.460	1.727	1.416
-	Bổ sung có mục tiêu	73.698	24.598	24.827	24.273
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	0	0	0	0

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ THIỆN TÍN

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Nghĩa Hành giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Hành Tín Đông	Xã Hành Tín Tây	Xã Hành Thiện
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	936	244	301	391
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	185	50	80	55
-	Thuế giá trị gia tăng	180	50	80	50
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	5	-	-	5
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	20	6	6	8
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5	1	-	4
4	Thuế thu nhập cá nhân	90	25	40	25
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	61	14	9	38
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	181	53	50	78
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-
10	Thu tại xã	394	95	116	183
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	72.766	24.176	24.358	24.231
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	72.766	24.176	24.358	24.231
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	718	185	206	328
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	661	169	181	311
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	57	16	25	17
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	72.047	23.992	24.152	23.903
-	Bổ sung cân đối	8.473	2.892	2.794	2.786
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	4.537	1.498	1.579	1.460
-	Bổ sung có mục tiêu	59.038	19.602	19.779	19.657
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ PHƯỚC GIANG

(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Nghĩa Hành giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Hành Minh	Xã Hành Nhân	Xã Hành Dũng
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	981	370	286	325
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	210	105	45	60
-	Thuế giá trị gia tăng	210	105	45	60
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	0	0	0	0
-	Thuế Tài nguyên	0	0	0	0
2	Lệ phí trước bạ	95	35	30	30
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	25	15	2	8
4	Thuế thu nhập cá nhân	105	52	23	30
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	96	33	31	32
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	0	0	0	0
6	Thu tiền sử dụng đất	0	0	0	0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0	0	0	0
8	Thu tiền cho thuê đất	0	0	0	0
9	Thu khác ngân sách	180	50	60	70
	Trong đó: Thu phạt ATGT	0	0	0	0
10	Thu tại xã	270	80	95	95
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	0	0	0	0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	79.085	25.970	26.652	26.463
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	79.085	25.970	26.652	26.463
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	731	246	232	254
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	666	213	218	235
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	65	33	14	19
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	78.354	25.725	26.420	26.210
-	Bổ sung cân đối	8.593	2.828	2.961	2.804
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	4.526	1.411	1.575	1.539
-	Bổ sung có mục tiêu	65.235	21.485	21.883	21.867
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	0	0	0	0

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ LONG PHỤNG

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Mộ Đức giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Đức Hiệp	Xã Đức Nhuận	Xã Thăng Lợi
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	4.110	1.304	1.823	983
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.754	1.027	603	124
-	Thuế giá trị gia tăng	604	77	403	124
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp				
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa				
-	Thuế Tài nguyên	1.150	950	200	
2	Lệ phí trước bạ	1.350	100	700	550
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	164	15	127	22
4	Thuế thu nhập cá nhân	305	39	208	58
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm ăn phí)	167	33	85	49
	<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>				
6	Thu tiền sử dụng đất				
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản				
8	Thu tiền cho thuê đất				
9	Thu khác ngân sách	120	30	30	60
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>				
10	Thu tại xã	250	60	70	120
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh				
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	133.666	107.778	9.932	15.956
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	133.666	107.778	9.932	15.956
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	2.813	737	1.237	839
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	2.626	713	1.112	801
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	187	24	125	38
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	130.853	107.041	8.695	15.117
-	Bổ sung cân đối	24.008	5.229	6.658	12.121
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	2.841	711	836	1.294
-	Bổ sung có mục tiêu (*)	104.004	101.101	1.201	1.702
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước				

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ MỎ CÀY

(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT		Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Mộ Đức giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Đức Thạnh	Xã Đức Minh	Xã Đức Chánh
A		1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	2.968	1.140	872	956
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.063	311	350	402
-	Thuế giá trị gia tăng	663	311	150	202
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp				
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa				
-	Thuế Tài nguyên	400		200	200
2	Lệ phí trước bạ	500	200	200	100
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	151	70	9	72
4	Thuế thu nhập cá nhân	333	157	75	101
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	191	62	58	71
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản				
6	Thu tiền sử dụng đất				
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản				
8	Thu tiền cho thuê đất				
9	Thu khác ngân sách	180	40	80	60
	Trong đó: Thu phạt ATGT				
10	Thu tại xã	550	300	100	150
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh				
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	123.575	105.165	8.202	10.208
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	123.575	105.165	8.202	10.208
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	1.978	768	594	616
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	1.772	672	547	553
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	206	96	47	63
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	121.597	104.397	7.608	9.592
-	Bổ sung cân đối	19.504	5.598	6.122	7.784
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	2.243	739	737	767
-	Bổ sung có mục tiêu (*)	99.850	98.060	749	1.041
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	0			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ MỘ ĐỨC(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Mộ Đức giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			
			Thị trấn Mộ Đức	Xã Đức Tân	Xã Đức Hòa	Xã Đức Phú
A	B	1=2+3+4+5	2	3	4	5
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	5.052	2.415	1.124	1.052	461
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	2.736	1.323	619	658	136
-	Thuế giá trị gia tăng	1.446	988	314	58	86
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp					
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	40	35	5		
-	Thuế Tài nguyên	1.250	300	300	600	50
2	Lệ phí trước bạ	600	200	150	200	50
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	234	168	53	8	5
4	Thuế thu nhập cá nhân	803	523	157	28	95
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm ân phí)	179	71	45	28	35
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản					
6	Thu tiền sử dụng đất					
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản					
8	Thu tiền cho thuê đất					
9	Thu khác ngân sách	100	30	20	30	20
	Trong đó: Thu phạt ATGT					
10	Thu tại xã	400	100	80	100	120
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh					
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	125.779	102.176	7.405	9.031	7.166
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	125.779	102.176	7.405	9.031	7.166
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	2.599	1.036	597	684	282
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	2.138	719	498	666	255
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	461	317	99	18	27
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	123.180	101.140	6.808	8.347	6.884
-	Bổ sung cân đối	21.500	4.464	5.238	6.336	5.462
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	2.863	726	706	812	619
-	Bổ sung có mục tiêu (*)	98.817	95.950	864	1.199	803
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước					

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ LÂN PHONG

(Kèm theo Quyết định số **08**/QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Mộ Đức giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp	
			xã Đức Lân	xã Đức Phong
A	B	1=2+3	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	3.595	2.902	693
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.747	1.552	195
-	Thuế giá trị gia tăng	1.217	1.022	195
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	30	30	
-	Thuế Tài nguyên	500	500	
2	Lệ phí trước bạ	450	300	150
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	171	136	35
4	Thuế thu nhập cá nhân	659	560	99
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	188	124	64
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản			
6	Thu tiền sử dụng đất (***)			
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản			
8	Thu tiền cho thuê đất			
9	Thu khác ngân sách	80	30	50
	Trong đó: Thu phạt ATGT			
10	Thu tại xã	300	200	100
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh			
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	95.201	84.302	10.899
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	95.201	84.302	10.899
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	1.826	1.366	460
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	1.439	1.040	399
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	387	326	61
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	93.375	82.936	10.439
-	Bổ sung cân đối	14.298	5.882	8.416
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	1.601	781	820
-	Bổ sung có mục tiêu (*)	77.476	76.273	1.203
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ TRÀ BÔNG

(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Trà Bồng giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Thị trấn Trà Xuân	Xã Trà Thủy	Xã Trà Sơn
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	10.213	2.185	7.888	140
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	8.610	1.350	7.180	80
-	Thuế giá trị gia tăng	1.420	1.340	-	80
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	10	10	-	-
-	Thuế Tài nguyên	7.180	-	7.180	-
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10	10	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	761	705	11	45
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	140	120	5	15
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	692	-	692	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	167.858	7.985	8.849	8.994
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)-(b)	167.858	7.985	8.849	8.994
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	5.006	604	4.358	44
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	150	130	5	15
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	4.856	474	4.353	29
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	162.852	7.381	4.492	8.950
-	Bổ sung cân đối	17.478	6.201	3.518	7.759
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	-	-	-	-
-	Bổ sung có mục tiêu	145.374	1.180	974	1.192
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐÔNG TRÀ BÔNG

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Trà Bồng giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Trà Bình	Xã Trà Phú	Xã Trà Giang
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	409	285	117	7
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	260	190	70	-
-	Thuế giá trị gia tăng	260	190	70	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	112	80	32	-
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	37	15	15	7
	<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>	-	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	82.914	6.994	6.760	6.953
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	82.914	6.994	6.760	6.953
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	1.128	1.082	40	7
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	37	15	15	7
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	1.091	1.067	25	-
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	81.786	5.913	6.720	6.946
-	Bổ sung cân đối	17.451	5.140	5.981	6.330
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	-	-	-	-
-	Bổ sung có mục tiêu	64.335	773	739	616
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ TÂY TRÀ*Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)**Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Trà Bồng giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Trà Phong	Xã Trà Xanh	Xã Sơn Trà
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1.530	1.518	5	7
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.365	1.365	-	-
-	Thuế giá trị gia tăng	45	45	-	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	20	20	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	1.300	1.300	-	-
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	17	5	5	7
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	148	148	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	131.735	8.555	7.055	8.424
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	131.735	8.555	7.055	8.424
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	2.139	1.551	581	7
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	17	5	5	7
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	2.122	1.546	576	-
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	129.596	7.004	6.474	8.417
-	Bổ sung cân đối	19.594	6.180	5.955	7.458
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	-	-	-	-
-	Bổ sung có mục tiêu	110.002	823	519	959
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ CÀ ĐAM(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Trà Bồng giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp	
			Xã Trà Tân	Xã Trà Bùi
A	B	1=2+3	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	47	40	7
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	24	24	-
-	Thuế giá trị gia tăng	24	24	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	15	15	-
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	8	1	7
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	76.487	7.900	7.629
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	76.487	7.900	7.629
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	16	9	7
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	8	1	7
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	8	8	-
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	76.471	7.891	7.622
-	Bổ sung cân đối	13.872	7.084	6.788
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	-	-	-
-	Bổ sung có mục tiêu	62.599	808	834
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ THANH BÔNG(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18/7/2025** của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Trà Lâm	Xã Trà Hiệp	Xã Trà Thanh
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	38	7	21	10
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	14	-	14	-
-	Thuế giá trị gia tăng	14	-	14	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	24	7	7	10
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	108.129	8.019	8.031	7.552
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	108.129	8.019	8.031	7.552
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	29	7	12	10
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	24	7	7	10
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	5	-	5	-
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	108.100	8.012	8.019	7.542
-	Bổ sung cân đối	21.419	7.265	7.304	6.850
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	-	-	-	-
-	Bổ sung có mục tiêu	86.681	747	715	692
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ TÂY TRÀ BÔNG(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp	
			Xã Trà Tây	Xã Hương Trà
A	B	1=2+3	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	12	5	7
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	-	-	-
-	Thuế giá trị gia tăng	-	-	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm ấn phí)	12	5	7
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	101.357	8.331	8.570
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	101.357	8.331	8.570
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	1.500	1.493	7
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	12	5	7
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	1.488	1.488	-
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	99.857	6.838	8.563
-	Bổ sung cân đối	13.545	5.849	7.697
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	-	-	-
-	Bổ sung có mục tiêu	86.312	989	866
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ SƠN HẠ

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Sơn Hà giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Sơn Hạ	Xã Sơn Thành	Xã Sơn Nham
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	323	153	110	60
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	165	75	60	30
-	Thuế giá trị gia tăng	165	75	60	30
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	83	38	30	15
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	75	40	20	15
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	118.396	48.693	33.467	36.235
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	118.396	48.693	33.467	36.235
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	626	63	39	524
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	75	40	20	15
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	551	23	19	509
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	117.770	48.630	33.429	35.711
-	Bổ sung cân đối	18.426	6.738	6.150	5.537
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	5.646	2.015	1.842	1.790
-	Bổ sung có mục tiêu	93.698	39.877	25.436	28.384
2	Thu để lại chỉ quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ SƠN LINH

(Kèm theo Quyết định số **08**/QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT		Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Sơn Hà giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Sơn Cao	Xã Sơn Linh	Xã Sơn Giang
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	178	63	40	75
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	95	35	20	40
-	Thuế giá trị gia tăng	95	35	20	40
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	48	18	10	20
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	35	10	10	15
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	98.921	33.220	30.053	35.648
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	98.921	33.220	30.053	35.648
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	124	21	16	87
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	35	10	10	15
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	89	11	6	72
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	98.797	33.199	30.037	35.561
-	Bổ sung cân đối	18.329	6.160	5.998	6.171
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	5.359	1.800	1.669	1.890
-	Bổ sung có mục tiêu	75.109	25.239	22.370	27.500
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ SƠN HÀ
(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Sơn Hà giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Thị trấn Di Lăng	Xã Sơn Thượng	Xã Sơn Bao
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1.470	1.355	45	70
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	820	760	20	40
-	Thuế giá trị gia tăng	810	750	20	40
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	10	10	-	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	80	80	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10	10	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	405	375	10	20
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	155	130	15	10
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	135.811	70.705	31.429	33.678
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	135.811	70.705	31.429	33.678
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	2.099	456	21	1.622
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	245	220	15	10
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	1.854	236	6	1.612
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	133.712	70.249	31.407	32.055
-	Bổ sung cân đối	121.287	64.628	28.063	28.596
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	5.635	2.049	1.771	1.815
-	Bổ sung có mục tiêu	6.790	3.573	1.573	1.644
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ SƠN THỦY(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Sơn Hà giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Sơn Trung	Xã Sơn Hải	Xã Sơn Thủy
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	118	5	55	58
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	55	-	30	25
-	Thuế giá trị gia tăng	55	-	30	25
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	28	-	15	13
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	35	5	10	20
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	78.936	25.091	25.175	28.670
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	78.936	25.091	25.175	28.670
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	52	5	19	28
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	35	5	10	20
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	17	-	9	8
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	78.884	25.086	25.156	28.642
-	Bổ sung cân đối	17.856	5.930	5.902	6.024
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	5.500	1.825	1.854	1.821
-	Bổ sung có mục tiêu	55.528	17.331	17.400	20.797
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ SƠN KỲ(Kèm theo Quyết định số **08**/QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT		Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Sơn Hà giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp	
			Xã Sơn Kỳ	Xã Sơn Ba
A	B	1=2+3	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	110	95	15
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	50	50	-
-	Thuế giá trị gia tăng	50	50	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	25	25	-
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	35	20	15
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	61.917	31.240	30.677
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	61.917	31.240	30.677
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	8.121	8.106	15
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	35	20	15
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	8.086	8.086	-
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	53.797	23.135	30.662
-	Bổ sung cân đối	7.366	1.081	6.285
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	1.938	-	1.938
-	Bổ sung có mục tiêu	44.492	22.053	22.438
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ SƠN TÂY

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Sơn Tây giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Sơn Dung	Xã Sơn Long	Xã Sơn Tân
A		1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	9.684	3.901	2.812	2.971
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	9.363	3.611	2.811	2.941
-	Thuế giá trị gia tăng	530	500	-	30
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	8.833	3.111	2.811	2.911
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	265	250	-	15
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	56	40	1	15
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	114.416	8.475	7.719	8.295
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	114.416	8.475	7.719	8.295
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	11.019	4.051	3.212	3.756
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	56	40	1	15
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	10.963	4.011	3.211	3.741
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	103.397	4.424	4.507	4.539
-	Bổ sung cân đối	5.756	1.791	2.029	1.937
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	5.594	1.882	1.793	1.918
-	Bổ sung có mục tiêu	92.047	751	684	684
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ SƠN TÂY THƯỢNG(Kèm theo Quyết định số **08**/QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Sơn Tây giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Sơn Mùa	Xã Sơn Liên	Xã Sơn Bua
A		1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	8.728	3.301	2.713	2.714
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	8.584	3.161	2.711	2.712
-	Thuế giá trị gia tăng	250	250	-	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	8.334	2.911	2.711	2.712
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	125	125	-	-
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	19	15	2	2
	<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>	-	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	110.949	7.959	7.503	7.501
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	110.949	7.959	7.503	7.501
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	10.503	3.876	3.313	3.314
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	19	15	2	2
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	10.484	3.861	3.311	3.312
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	100.446	4.083	4.190	4.187
-	Bổ sung cân đối	5.216	1.563	1.831	1.822
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	5.359	1.836	1.763	1.759
-	Bổ sung có mục tiêu	89.871	684	595	606
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ SƠN TÂY HẠ(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Sơn Tây giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Sơn Lập	Xã Sơn Tinh	Xã Sơn Màu
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	8.175	2.713	2.746	2.716
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	8.153	2.711	2.731	2.711
-	Thuế giá trị gia tăng	20	-	20	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	8.133	2.711	2.711	2.711
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	10	-	10	-
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	12	2	5	5
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	86.955	7.215	7.999	7.459
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	86.955	7.215	7.999	7.459
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	9.065	2.913	2.936	3.216
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	12	2	5	5
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	9.053	2.911	2.931	3.211
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	77.890	4.302	5.063	4.243
-	Bổ sung cân đối	6.301	2.018	2.470	1.812
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	5.296	1.675	1.853	1.769
-	Bổ sung có mục tiêu	66.293	609	740	662
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ MINH LONG(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT		Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Minh Long giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Long Hiệp	Xã Thanh An	Xã Long Môn
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	349	230	79	40
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	-	-	-	-
-	Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	40	10	10	20
	<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	309	220	69	20
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>	-	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	133.498	117.546	8.149	7.803
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	133.498	117.546	8.149	7.803
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	349	230	79	40
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	349	230	79	40
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	-	-	-	-
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	133.149	117.316	8.070	7.763
-	Bổ sung cân đối	21.150	7.064	7.119	6.967
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	2.694	947	951	796
-	Bổ sung có mục tiêu	109.305	109.305	-	-
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ SƠN MAI

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Minh Long giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp	
			Xã Long Sơn	Xã Long Mai
A	B	1=2+3	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	228	134	94
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	-	-	-
-	Thuế giá trị gia tăng	-	-	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	49	24	25
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	179	110	69
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	102.132	93.217	8.915
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	102.132	93.217	8.915
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	228	134	94
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	228	134	94
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	-	-	-
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	101.904	93.083	8.821
-	Bổ sung cân đối	15.295	7.470	7.825
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	2.180	1.184	996
-	Bổ sung có mục tiêu	84.429	84.429	-
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ BA VÌ(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Ba Tư giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Ba Ngạc	Xã Ba Tiêu	Xã Ba Vì
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	504	55	91	358
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	293	25	57	211
-	Thuế giá trị gia tăng	285	25	57	203
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	6	-	-	6
-	Thuế Tài nguyên	2	-	-	2
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1	-	-	1
4	Thuế thu nhập cá nhân	142	13	28	101
5	Thu phi, lệ phí (không bao gồm án phí)	68	17	6	45
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	69.202	7.553	7.457	6.734
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	69.202	7.553	7.457	6.734
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	166	25	25	116
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	69	17	6	46
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	97	8	19	70
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	69.036	7.528	7.432	6.618
-	Bổ sung cân đối	61.215	4.861	4.682	4.214
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	3.570	1.330	1.280	960
-	Bổ sung có mục tiêu	4.251	1.337	1.470	1.444
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ BA TÔ

(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Ba Tư giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Ba Nam	Xã Ba Lễ	Xã Ba Tô
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	148	9	14	125
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	64	-	1	63
-	Thuế giá trị gia tăng	64	-	1	63
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	36	-	1	35
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm ấn phí)	48	9	12	27
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	80.474	6.773	7.043	8.986
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	80.474	6.773	7.043	8.986
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	69	9	12	48
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	48	9	12	27
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	21	-	-	21
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	80.405	6.764	7.031	8.938
-	Bổ sung cân đối	72.213	4.395	4.517	5.629
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	4.010	1.240	1.260	1.510
-	Bổ sung có mục tiêu	4.182	1.129	1.254	1.799
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ BA DINH(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18/7/2025** của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Ba Tư giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp	
			Xã Ba Dinh	Xã Ba Giang
A	B	1=2+3	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	145	128	17
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	67	59	8
-	Thuế giá trị gia tăng	67	59	8
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1	1	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	34	30	4
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	43	38	5
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	54.861	8.361	6.784
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	54.861	8.361	6.784
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	66	58	8
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	44	39	5
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	22	19	3
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	54.795	8.303	6.776
-	Bổ sung cân đối	49.563	5.341	4.506
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	2.520	1.290	1.230
-	Bổ sung có mục tiêu	2.712	1.672	1.040
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ BA TƠ

(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Đơn vị tính: triệu đồng

TT		Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Ba Tơ giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Ba Bích	Thị trấn Ba Tơ	Xã Ba Cung
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	2.490	45	2.309	136
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.551	24	1.452	75
-	Thuế giá trị gia tăng	1.453	24	1.354	75
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	4	-	4	-
-	Thuế Tài nguyên	94	-	94	-
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	25	-	25	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	724	14	668	42
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	190	7	164	19
	<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>	-	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	88.827	7.121	7.753	6.834
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	88.827	7.121	7.753	6.834
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	743	15	684	44
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	215	7	189	19
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	528	8	495	25
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	88.084	7.106	7.069	6.790
-	Bổ sung cân đối	80.058	4.534	4.056	4.349
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	3.450	1.160	1.090	1.200
-	Bổ sung có mục tiêu	4.576	1.412	1.923	1.241
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước		-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ BA VINH(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Ba Tư giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp	
			Xã Ba Vinh	Xã Ba Điền
A	B	1=2+3	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	81	59	22
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	40	28	12
-	Thuế giá trị gia tăng	40	28	12
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	20	14	6
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	21	17	4
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	59.209	8.489	7.147
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	59.209	8.489	7.147
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	34	26	8
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	21	17	4
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	13	9	4
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	59.175	8.463	7.139
-	Bổ sung cân đối	53.314	5.176	4.565
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	2.550	1.310	1.240
-	Bổ sung có mục tiêu	3.311	1.977	1.334
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ BA ĐỘNG(Kèm theo Quyết định số **08**/QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT		Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Ba Tư giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		
			Xã Ba Thành	Xã Ba Động	Xã Ba Liên
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	418	66	315	37
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	237	32	182	23
-	Thuế giá trị gia tăng	233	32	178	23
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	4	-	4	-
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3	-	3	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	116	16	89	11
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	62	18	41	3
	<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	-	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>	-	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	63.313	7.373	4.896	6.753
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	63.313	7.373	4.896	6.753
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	145	29	105	11
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	65	18	44	3
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	80	11	61	8
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	63.168	7.344	4.791	6.742
-	Bổ sung cân đối	57.151	4.876	3.571	4.413
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	2.720	1.300	120	1.300
-	Bổ sung có mục tiêu	3.297	1.168	1.100	1.029
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐẠNG THUY TRÂM(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện Ba Tư giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp	
			Xã Ba Trang	Xã Ba Khâm
A	B	1=2+3	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	29	15	14
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	12	9	3
-	Thuế giá trị gia tăng	12	9	3
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-
2	Lệ phí trước bạ	-	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	5	4	1
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	12	2	10
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-	-
10	Thu tại xã	-	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	51.580	7.542	6.684
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	51.580	7.542	6.684
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	16	5	11
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	12	2	10
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	4	3	1
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	51.564	7.537	6.673
-	Bổ sung cân đối	46.506	4.702	4.450
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	2.470	1.400	1.070
-	Bổ sung có mục tiêu	2.588	1.435	1.153
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước		-	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ BA XA(Kèm theo Quyết định số **08**/QĐ-UBND ngày **18/7/2025** của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán UBND huyện giao năm 2025 cho UBND xã Ba Xa trước khi sắp xếp
A	B	1	2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1.805	1.805
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.776	1.776
-	Thuế giá trị gia tăng	26	26
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-
-	Thuế Tài nguyên	1.750	1.750
2	Lệ phí trước bạ	-	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	13	13
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	16	16
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-
6	Thu tiền sử dụng đất	-	-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-
8	Thu tiền cho thuê đất	-	-
9	Thu khác ngân sách	-	-
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-	-
10	Thu tại xã	-	-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-	-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	40.910	40.910
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	40.910	40.910
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	900	900
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	16	16
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	884	884
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	40.010	40.010
-	Bổ sung cân đối	37.441	37.441
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	740	740
-	Bổ sung có mục tiêu	1.829	1.829
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-



NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2025

Đặc khu Lý Sơn

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
(1)	(2)	(3)
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	14.720
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	5.500
	-Thuế giá trị gia tăng	4.940
	-Thuế thu nhập doanh nghiệp	450
	-Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	90
	-Thuế Tài nguyên	20
2	Lệ phí trước bạ	650
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10
4	Thuế thu nhập cá nhân	950
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	550
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	0
6	Thu tiền sử dụng đất	5.000
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	10
8	Thu tiền cho thuê đất	50
9	Thu khác ngân sách	2.000
	Trong đó: Thu phạt ATGT	600
10	Thu tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	
II	Tổng thu ngân sách huyện (1)+(2)	250.110
1	Thu cân đối ngân sách huyện (a)+(b)	250.110
a	Các khoản thu cân đối NS huyện được hưởng theo phân cấp	13.671
	-Các khoản thu NS huyện hưởng 100%	7.690
	-Các khoản thu phân chia NS huyện hưởng theo tỷ lệ %	5.981
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	236.439
	-Bổ sung cân đối	165.839
	-Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	44.546
	-Bổ sung có mục tiêu	26.054
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA PHƯỜNG KON TUM(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18** /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	I
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	2.430.076
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	205.315
2	Lệ phí trước bạ	21.200
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.410
4	Thuế thu nhập cá nhân	48.083
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	22.222
6	Thu tiền sử dụng đất	39.500
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	40.540
8	Thu tiền cho thuê đất	3.455
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	38.781
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	498.920
12	Thu từ DN có vốn DTNN	400
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	1.700
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	1.196.550
15	Thuế bảo vệ môi trường	229.000
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	82.000
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	189.694
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	189.694
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	11.628
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	11.628
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	178.066
-	Bổ sung cân đối (*)	171.154
-	Bổ sung có mục tiêu	6.913
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA PHƯỜNG ĐẮK CẨM

(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18** /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	I
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	222.500
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	38.244
2	Lệ phí trước bạ	11.450
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	575
4	Thuế thu nhập cá nhân	8.655
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	2.888
6	Thu tiền sử dụng đất	31.750
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	996
8	Thu tiền cho thuê đất	
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	1.148
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ...tại xã	65
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	37.408
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	100
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	89.221
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	83.566
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	83.566
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	9.658
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	9.658
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	73.908
-	Bổ sung cân đối (*)	70.254
-	Bổ sung có mục tiêu	3.655
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA PHƯỜNG ĐẮK BLA

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	I
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	381.184
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	16.514
2	Lệ phí trước bạ	7.800
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	569
4	Thuế thu nhập cá nhân	5.032
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	1.672
6	Thu tiền sử dụng đất	29.842
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	11.350
8	Thu tiền cho thuê đất	7.265
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	2.800
9	Thu khác ngân sách	982
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ...tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	41.600
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	100
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	255.658
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
II	Tổng thu ngân sách xã (I)+(2)	60.754
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	60.754
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	4.579
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	4.579
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	56.175
-	Bổ sung cân đối (*)	52.984
-	Bổ sung có mục tiêu	3.192
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ NGỌC BAY(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18** /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	I
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	58.544
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	2.028
2	Lệ phí trước bạ	2.250
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	56
4	Thuế thu nhập cá nhân	843
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	759
6	Thu tiền sử dụng đất	40.884
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	
8	Thu tiền cho thuê đất	
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	810
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích ... tại xã	135
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	10.779
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	73.951
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	73.951
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	5.639
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	5.639
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	68.312
-	Bổ sung cân đối (*)	64.950
-	Bổ sung có mục tiêu	3.362
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

